



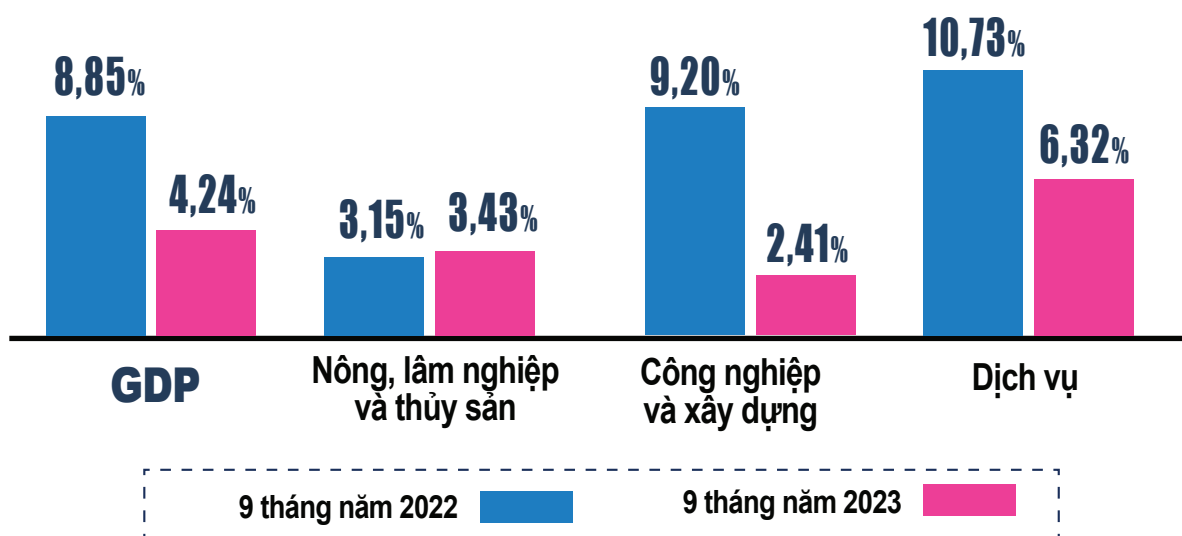
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI



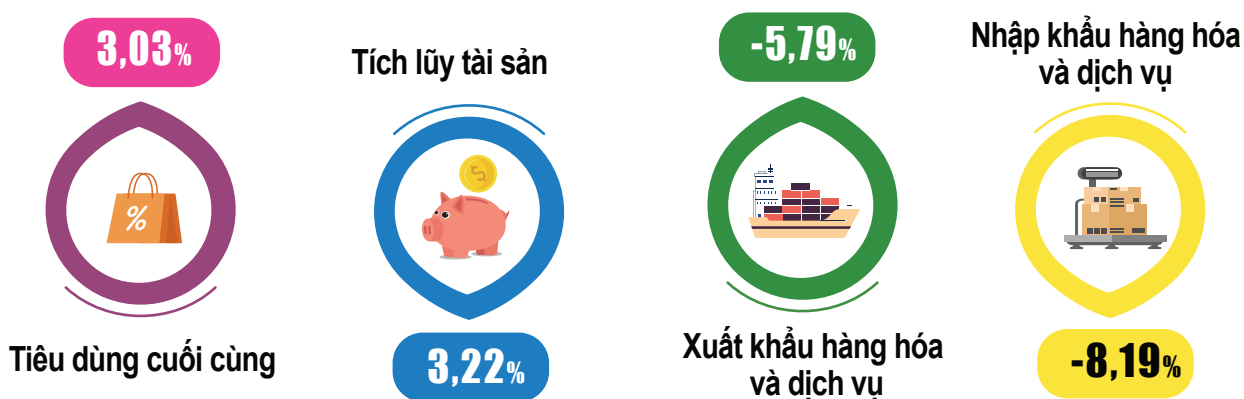
QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2023

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

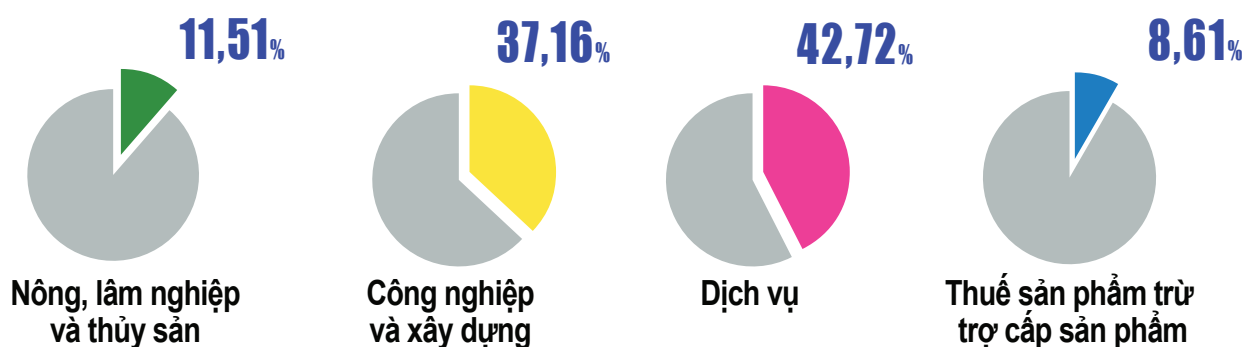
Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước



Tốc độ tăng GDP theo phương pháp sử dụng 9 tháng năm 2023



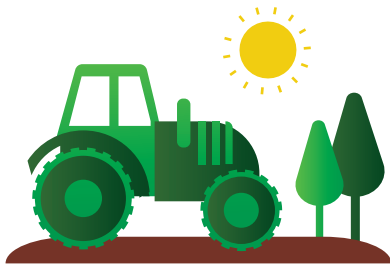
Cơ cấu GDP 9 tháng năm 2023



SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Trồng trọt tính đến 15/9/2023

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu (Nghìn ha, tăng/giảm so cùng kỳ năm trước)



1.492,5

▼ 0,8%

Lúa mùa

1.911,7

▼ 0,1%

Lúa hè thu

604,2

▲ 5,0%

Lúa thu đông
Vùng ĐBSCL

824

▼ 1,0%

Ngô

76,2

▼ 5,8%

Khoai lang

152,8

▼ 5,1%

Lạc

29,7

▼ 6,0%

Đậu tương

1.020,2

▲ 0,3%

Rau, đậu

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 9/2023 so với cùng thời điểm năm trước

▲ 4,2%



Lợn

▲ 3,5%



Gia cầm

▼ 1,1%



Trâu

▲ 0,6%



Bò

Lâm nghiệp 9 tháng năm 2023



197,9 nghìn ha

bằng cùng kỳ năm trước

Diện tích rừng trồng mới tập trung

14,5 triệu m³

▲ 3,2%



Sản lượng gỗ khai thác

Sản lượng thủy sản 9 tháng năm 2023

Tổng số

6.796,7

nghìn tấn

▲ 2,1%

Nuôi trồng

3.792,5

nghìn tấn

▲ 3,6%

Khai thác

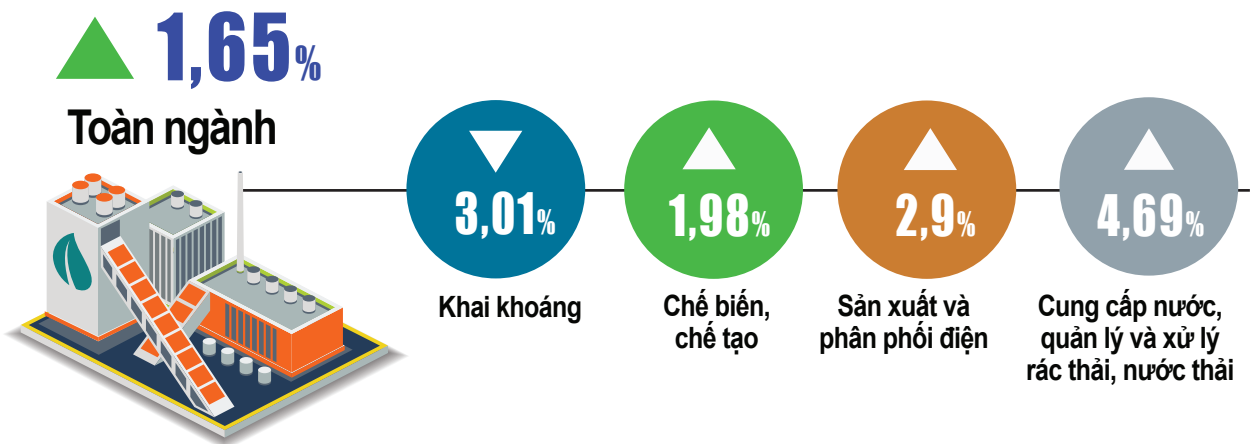
3.004,2

nghìn tấn

▲ 0,4%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 9 THÁNG NĂM 2023

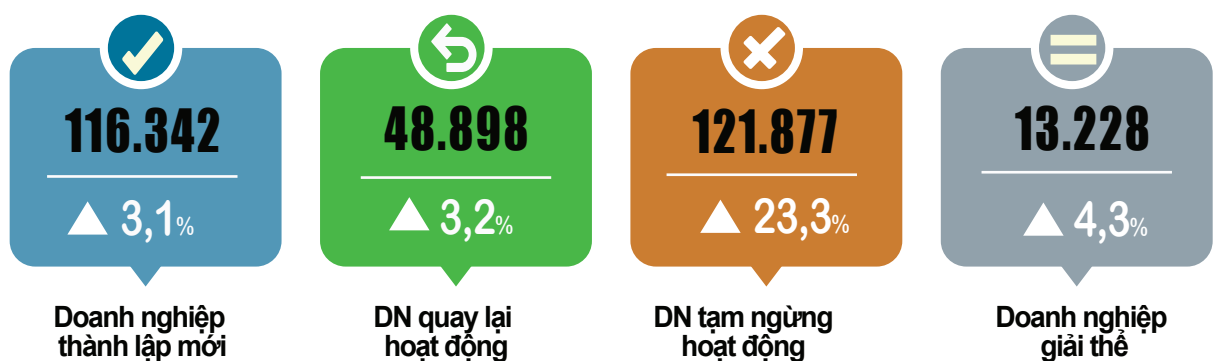
Tốc độ tăng giá trị tăng thêm (VA) ngành công nghiệp so với cùng kỳ năm trước



Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 9 THÁNG NĂM 2023



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ 9 THÁNG NĂM 2023

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

3.572,1

nghìn tỷ đồng

▲ 8,4%

Bán lẻ hàng hóa

500,1

nghìn tỷ đồng

▲ 16%

Lưu trú, ăn uống

26,5

nghìn tỷ đồng

▲ 47,7%

Du lịch lữ hành

469,1

nghìn tỷ đồng

▲ 11,5%

Dịch vụ khác

TỔNG SỐ

4.567,8

nghìn tỷ đồng

▲ 9,7%

Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách

Vận chuyển

3.406

triệu lượt khách

▲ 13,1%

Luân chuyển

184

tỷ khách.km

▲ 27,9%



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

1.686,2

triệu tấn

▲ 14,6%

Luân chuyển

359,8

tỷ tấn.km

▲ 12,5%



Khách quốc tế đến Việt Nam

8.885,4

nghìn lượt người

gấp 4,7 lần



Hàng không

7.775,5

Nghìn lượt người

gấp 4,7 lần



Đường bộ

1.045,9

Nghìn lượt người

gấp 4,9 lần



Đường biển

64

Nghìn lượt người

gấp 129,6 lần

Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á

6.855,2

Châu Âu

1.015,9

Châu Mỹ

682,8

Châu Úc

311,1

Châu Phi

20,4

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội
9 tháng năm 2023

Tổng số

2.260,5 nghìn tỷ đồng ▲ 5,9%

Nhà nước

634,3
nghìn tỷ đồng
▲ 15,1%

Ngoài NN

1.250,7
nghìn tỷ đồng
▲ 2,3%

FDI

375,5
nghìn tỷ đồng
▲ 3,9%

Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam
từ 1/1 đến 20/9/2023

Tổng vốn đăng ký

20,21 tỷ USD ▲ 7,7%

Tổng vốn thực hiện

15,92 tỷ USD ▲ 2,2%

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 9 THÁNG NĂM 2023

Xuất khẩu

259,67 tỷ USD
▼ 8,2%

Nhập khẩu

237,99 tỷ USD
▼ 13,8%

XUẤT SIÊU
21,68 tỷ USD

CHỈ SỐ GIÁ

101,08%

CPI tháng 9/2023
so với
tháng trước

103,66%

CPI tháng 9/2023
so với
tháng 9/2022

103,16%

CPI BQ 9 tháng
năm 2023 so với
cùng kỳ
năm trước

102,22%

Chỉ số giá vàng
BQ 9 tháng năm 2023
so với cùng
kỳ năm trước

102,29%

Chỉ số giá đô la Mỹ
BQ 9 tháng năm 2023
so với cùng
kỳ năm trước

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI 9 THÁNG NĂM 2023

Lao động, việc làm

Lao động có việc làm



51,2 triệu người
▲ **776** nghìn người

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động

2,28%



Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động

2,02%



Thu nhập bình quân tháng của lao động



7,0 triệu đồng/tháng
▲ **451** nghìn đồng

Dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm



Sốt xuất huyết

81.808

trường hợp

(**23** người tử vong)



Tay chân miệng

70.747

trường hợp

(**21** người tử vong)



Ngộ độc thực phẩm

80

vụ

1.356 người bị ngộ độc

(**15** người tử vong)

Tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên

Số vụ tai nạn

6.077

Bình quân 1 ngày

22
Vụ

Số người chết

4.765

Bình quân 1 ngày

17
người

Số người bị thương

3.359

Bình quân 1 ngày

12
người